

BỘ GIAO THÔNG VẬN
TẢI

Số: 54/2007/QĐ-BGTVT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 7 tháng 11 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế quản lý sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 29 tháng 06 năm 2001;

Căn cứ Luật Dạy nghề ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 34/2003/NĐ-CP ngày 04 tháng 04 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo và bãi bỏ Quyết định số 72/2005/QĐ-BGTVT ngày 28 tháng 12 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy chế quản lý sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Vụ trưởng các Vụ, Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Sở Giao thông công chính, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

QUY CHẾ

Quản lý sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 54/2007/QĐ-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2007
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về quản lý sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy chế này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có liên quan đến quản lý, sát hạch, cấp và sử dụng giấy phép lái xe cơ giới đường bộ.
2. Quy chế này không áp dụng đối với quản lý sát hạch, cấp giấy phép lái xe của ngành Công an, Quân đội làm nhiệm vụ an ninh, quốc phòng.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Phương tiện giao thông cơ giới đường bộ (sau đây gọi là xe cơ giới) là các loại xe di chuyển trên đường bộ bằng sức kéo của động cơ do người điều khiển bao gồm:
 - a) Mô tô hai hoặc ba bánh, xe máy, xích lô máy, xe lam ba bánh;
 - b) Ô tô các loại gồm ô tô con, ô tô tải, ô tô khách, ô tô chuyên dùng, ô tô kéo sơ mi rơ moóc;
 - c) Máy kéo bánh lốp và các loại ô tô cần cẩu bánh lốp tự hành trên đường bộ.
2. Giấy phép lái xe là chứng chỉ cấp cho người điều khiển xe cơ giới (người lái xe) để được phép lái một hoặc một số loại xe cơ giới.
3. Thời gian hành nghề lái xe là thời gian người có giấy phép lái xe đã lái loại xe ghi trong giấy phép lái xe.
4. Lái xe chuyên nghiệp là người lái xe sinh sống bằng nghề lái xe.
5. Lái xe không chuyên nghiệp là người lái xe không sinh sống bằng nghề lái xe.

Chương II

HỆ THỐNG GIẤY PHÉP LÁI XE

Điều 4. Phân hạng giấy phép lái xe

1. Hạng A1 cấp cho người lái xe để điều khiển xe mô tô hai bánh có dung tích xy lanh từ 50 cm³ đến dưới 175 cm³.
2. Hạng A2 cấp cho người lái xe để điều khiển xe mô tô hai bánh có dung tích xy lanh từ 175 cm³ trở lên và các loại xe quy định cho giấy phép lái xe hạng A1.

3. Hạng A3 cấp cho người lái xe để điều khiển xe mô tô ba bánh, bao gồm cả xe lam ba bánh, xích lô máy và các loại xe quy định cho giấy phép lái xe hạng A1.
4. Hạng A4 cấp cho người lái xe để điều khiển các loại máy kéo có trọng tải đến 1000 KG.
5. Hạng B1 cấp cho người lái xe không chuyên nghiệp để điều khiển các loại xe sau đây:
- a) Ô tô chở người đến 9 chỗ ngồi, kể cả chỗ ngồi cho người lái xe;
 - b) Ô tô tải, kể cả ô tô tải chuyên dùng có trọng tải thiết kế dưới 3500 KG;
 - c) Máy kéo kéo một rơ moóc có trọng tải thiết kế dưới 3500 KG.
6. Hạng B2 cấp cho người lái xe chuyên nghiệp để điều khiển các loại xe sau đây:
- a) Các loại xe quy định cho giấy phép lái xe hạng B1;
 - b) Ô tô cần cẩu bánh lốp có sức nâng thiết kế dưới 3500 KG.
7. Hạng C cấp cho người lái xe chuyên nghiệp để điều khiển các loại xe sau đây:
- a) Ô tô tải, kể cả ô tô tải chuyên dùng có trọng tải thiết kế từ 3500 KG trở lên;
 - b) Đầu kéo, máy kéo kéo một rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc có trọng tải thiết kế từ 3500 KG trở lên;
 - c) Ô tô cần cẩu bánh lốp có sức nâng thiết kế từ 3500 KG trở lên;
 - d) Các loại xe quy định cho giấy phép lái xe hạng B1, B2.
8. Hạng D cấp cho người lái xe chuyên nghiệp để điều khiển các loại xe sau đây:
- a) Ô tô chở người từ 10 đến 30 chỗ ngồi, kể cả chỗ ngồi cho người lái xe;
 - b) Các loại xe quy định cho giấy phép lái xe hạng B1, B2 và C.
9. Hạng E cấp cho người lái xe chuyên nghiệp để điều khiển các loại xe sau đây:
- a) Ô tô chở người trên 30 chỗ ngồi;
 - b) Các loại xe quy định cho giấy phép lái xe hạng B1, B2, C và D.
10. Hạng F cấp cho người đã có giấy phép lái xe các hạng B1, B2, C, D và E để điều khiển các loại xe tương ứng kéo rơ moóc có trọng tải thiết kế lớn hơn 750 KG, được quy định cụ thể như sau:
- a) Hạng F_{B2} cấp cho người lái xe ô tô được quy định tại giấy phép lái xe hạng B2 có kéo rơ moóc và được điều khiển các loại xe quy định cho giấy phép lái xe hạng B1

và hạng B2;

b) Hạng F_C cấp cho người lái xe ô tô được quy định tại giấy phép lái xe hạng C có kéo rơ moóc và được điều khiển các loại xe quy định cho giấy phép lái xe hạng B1, B2, C và hạng F_{B2} ;

c) Hạng F_D cấp cho người lái xe ô tô được quy định tại giấy phép lái xe hạng D có kéo rơ moóc và được điều khiển các loại xe quy định cho giấy phép lái xe hạng B1, B2, C, F_{B2} và hạng F_C ;

d) Hạng F_E cấp cho người lái xe ô tô được quy định tại giấy phép lái xe hạng E có kéo rơ moóc và được điều khiển các loại xe quy định cho giấy phép lái xe hạng B1, B2, C, D, F_{B2} , F_C và hạng F_D .

11. Người có giấy phép lái xe các hạng B1, B2, C, D và E khi điều khiển các loại xe tương ứng được kéo thêm một rơ moóc có trọng tải thiết kế không quá 750 KG.

12. Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật giao thông đường bộ cấp cho người điều khiển các loại xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ có quy định riêng.

Điều 5. Thời hạn của giấy phép lái xe

1. Hạng A1, A2, A3: Không thời hạn.
2. Hạng A4, B1, B2: Có thời hạn 5 năm, kể từ ngày cấp.
3. Hạng C, D, E và các loại hạng F: Có thời hạn 3 năm, kể từ ngày cấp.

Chương III

SÁT HẠCH LÁI XE

Điều 6. Nội dung và quy trình sát hạch lái xe

1. Việc sát hạch để cấp giấy phép lái xe ô tô phải được thực hiện tại các Trung tâm sát hạch lái xe (sau đây gọi là Trung tâm sát hạch). Đối với sát hạch nâng hạng giấy phép lái xe các hạng D, E thực hiện tập trung, định kỳ, có tổ chức giám sát chặt chẽ.
2. Nội dung sát hạch cấp giấy phép lái xe theo quy định tại phần 2 Tiêu chuẩn ngành số 22 TCN 286-01 ban hành kèm theo Quyết định số 4392/2001/QĐ-BGTVT ngày 20 tháng 12 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

3. Việc tổ chức sát hạch lái xe được thực hiện theo quy trình:

a) Sát hạch lý thuyết:

- Đối với các hạng A2, A3, A4, B1, B2, C, D, E và các hạng F: Thực hiện trên máy vi tính.

- Đối với hạng A1: Thực hiện trắc nghiệm trên giấy hoặc trên máy vi tính.

b) Sát hạch thực hành lái xe trong hình:

- Đối với các hạng B1, B2, C, D, E: thực hiện sát hạch trong Trung tâm sát hạch có gắn thiết bị chấm điểm tự động, không có sát hạch viên ngồi trên xe sát hạch.

- Đối với các hạng A1, A2 và các hạng F: Thực hiện sát hạch trong Trung tâm sát hạch hoặc sân sát hạch

c) Sát hạch thực hành lái xe trên đường giao thông công cộng: áp dụng đối với các hạng: A3, A4, B1, B2, C, D, E và các hạng F.

4. Cục Đường bộ Việt Nam hướng tổ chức dẫn thực hiện việc sát hạch cấp giấy phép lái xe theo quy định.

Điều 7. Trung tâm sát hạch lái xe

1. Trung tâm sát hạch lái xe được xây dựng theo tiêu chuẩn quy định phù hợp với quy hoạch và phân loại như sau:

a) Trung tâm sát hạch loại 1: Sát hạch cấp giấy phép lái xe tất cả các hạng;

b) Trung tâm sát hạch loại 2: Sát hạch cấp giấy phép lái xe đến hạng C;

c) Trung tâm sát hạch loại 3: Sát hạch cấp giấy phép lái xe các hạng từ A1 đến A4.

2. Cục Đường bộ Việt Nam chủ trì, tổ chức kiểm tra, cấp giấy chứng nhận Trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động.

a) Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động có hiệu lực trong thời hạn 5 năm. Trước khi giấy chứng nhận hết hiệu lực, Cục Đường bộ Việt Nam tổ chức kiểm tra theo tiêu chuẩn của Trung tâm sát hạch để cấp lại giấy chứng nhận;

b) Trong thời gian hoạt động, Cục Đường bộ Việt Nam kiểm tra đột xuất, hoặc định kỳ, bảo đảm độ chính xác của các thiết bị chấm điểm tự động; trường hợp cần thiết